

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG SỐ 40 /BC-UBND

Long Phú, ngày 28 tháng 02 năm 2019

ĐẾN Số: 2118
Ngày: 01/3/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú

Căn cứ Công văn số 1699/SNV-CCHC ngày 13/8/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính;

UBND huyện Long Phú báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC quý I năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC

1. Ban hành các văn bản, chỉ đạo điều hành

Thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2019, UBND huyện Long Phú đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như:

- Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 17/12/2018 về việc triển khai thực hiện “Đề án liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí” trên địa bàn huyện Long Phú.

- Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận một cửa) thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện Long Phú.

- Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc sửa đổi phụ lục một số biểu mẫu ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Long Phú.

- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2019 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019.

- Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 18/01/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú.

- Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 21/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

- Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 21/01/2019 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

- Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 24/01/2019 về thực hiện cải cách hành chính năm 2019.

- Công văn số 35/UBND-VP ngày 24/01/2019 về việc thực hiện tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến.

- Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 15/02/2019 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

- Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/02/2019 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2019.

- Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 18/02/2019 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 về việc bổ sung thành viên Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử huyện Long Phú.

Bên cạnh đó, UBND huyện cũng phân công công chức phụ trách theo dõi và tham mưu cho UBND huyện thực hiện công tác CCHC, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Email/điện thoại
1. Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính				
1	Kim Hen	Chủ tịch UBND huyện	Đại học Kinh tế Nông nghiệp	0939.657.018 khen@soctrang.gov.vn
2. Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính				
1	Mai Thị Chúc Ly	Chuyên viên Phòng Nội vụ	Đại học Lưu trữ và QTVP	0909.374.627 mtcly@soctrang.gov.vn
3. Công chức phụ trách tham mưu Công nghệ thông tin				
1	Nguyễn Thị Huyền Trân	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Hệ thống thông tin	0932.885.583 nthtran2@soctrang.gov.vn
2	Nguyễn Văn Quang	Chuyên viên Phòng Văn hóa và Thông tin	Đại học Công nghệ thông tin	0907.007.397 nvquang2@soctrang.gov.vn
4. Công chức phụ trách một cửa				
1	Phan Thị Tố Quyên	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Kinh tế	0814.506.757 pttquyen@soctrang.gov.vn
2	Lâm Trung Hiếu	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Quản lý Đất đai	0362.255.580 lthieu@soctrang.gov.vn

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Email/điện thoại
3	Huỳnh Thị Thùy Trang	Chuyên viên Phòng Tư pháp	Đại học Luật	0975.163.089 htttrang@soctrang.gov.vn
4	Đặng Duy Tân	Chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Đại học Xây dựng	0907.244.767 ddtan@soctrang.gov.vn

2. Tóm tắt một số nội dung trong thực hiện nhiệm vụ CCHC

2.1. Cải cách thể chế

UBND huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp tham mưu, giúp HĐND, UBND làm tốt công tác rà soát, thẩm định, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL tại địa phương. Trong quý I năm 2019, trên địa bàn huyện Long Phú không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai tại UBND các xã, thị trấn:

Với hiệu quả mang lại trong việc triển khai thực hiện thí điểm việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai tại 4 xã, thị trấn gồm: Thị trấn Đại Ngãi, xã Trường Khánh, xã Hậu Thạnh và xã Song Phụng, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện nhân rộng việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai tại UBND cấp xã trên địa bàn huyện theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 08/11/2018. Kết quả, trong quý I năm 2019, tiếp nhận tại huyện 62 hồ sơ, đã giải quyết 47 hồ sơ, còn lại 15 hồ sơ trong hạn đang giải quyết và UBND xã, thị trấn đã tiếp nhận 95 hồ sơ, đã giải quyết 85 hồ sơ, còn lại 10 hồ sơ trong hạn đang giải quyết, cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Tiếp nhận tại cấp xã					
		Số hồ sơ nhận giải quyết		Kết quả giải quyết			
				Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết	
		Tổng số mới tiếp nhận trong kỳ	Số kỳ trước chuyển qua	Tổng số	Trả đúng hạn	Tổng số	Chưa đến hạn
1	Thị trấn Đại Ngãi	40	0	37	37	3	3

STT	Tên đơn vị	Tiếp nhận tại cấp xã					
		Số hồ sơ nhận giải quyết		Kết quả giải quyết			
				Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết	
		Tổng số mới tiếp nhận trong kỳ	Số kỳ trước chuyển qua	Tổng số	Trả đúng hạn	Tổng số	Chưa đến hạn
2	Xã Hậu Thạnh	20	0	18	18	2	2
3	Xã Trường Khánh	15	0	12	12	3	3
4	Xã Song Phụng	20	0	18	18	2	2
Tổng		95	0	85	85	10	10

Việc tiếp nhận hồ sơ tại xã, thị trấn sẽ giảm được số lần đi từ xã đến huyện và ngược lại, cụ thể:

- Đối với hồ sơ không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (cấp đổi không thay đổi diện tích, miễn thuế, đính chính): Người sử dụng đất không phải đi đến huyện so với trước đây là phải đi đến huyện 02 lần (01 lần nộp hồ sơ và 01 lần nhận kết quả).

- Đối với hồ sơ có thực hiện nghĩa vụ tài chính: Người sử dụng đất chỉ cần đến huyện 01 lần để nộp thuế, so với trước đây là phải 03 lần đến huyện (01 lần nộp hồ sơ, 01 lần nộp thuế và 01 lần nhận kết quả).

- Đối với trường hợp hồ sơ sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn kiểm tra, thẩm định mà chưa đủ điều kiện, cần điều chỉnh, bổ sung thì người sử dụng đất giảm được số lần đến huyện chỉ còn 01 lần để nộp thuế, so với trước đây là từ 04 đến 05 lần:

+ Nếu hồ sơ không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, trước đây phải đi đến huyện 04 lần như sau: 01 lần nộp hồ sơ; 01 lần đến nhận hồ sơ về sửa đổi, bổ sung; 01 lần đến nộp lại hồ sơ và 01 lần nhận kết quả.

+ Nếu hồ sơ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, trước đây phải đi đến huyện 05 lần như sau: 01 lần nộp hồ sơ; 01 lần đến nhận hồ sơ về sửa đổi, bổ sung; 01 lần đến nộp lại hồ sơ; 01 lần đến nộp thuế và 01 lần nhận kết quả.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4:

UBND huyện đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đã cấp phát 1.800 tờ bướm tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến đến cán bộ, công chức,

viên chức và tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện, đồng thời tuyên truyền trên trang thông tin điện tử huyện. Niêm yết công khai 49 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (cấp huyện có 41 TTHC mức độ 3 và 06 TTHC mức độ 4; cấp xã có 02 TTHC mức độ 3) tại Bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử của huyện.

- Số lượng TTHC thực hiện: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 406 TTHC, trong đó cấp tỉnh (lĩnh vực đất đai) là 33 TTHC, cấp huyện 262 TTHC và cấp xã 111 TTHC.

- Kết quả giải quyết TTHC:

+ Từ ngày 16/11/2018 đến ngày 31/12/2018: Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 9.016 hồ sơ; đã giải quyết đúng hạn và trước hạn 8.596/8.597 hồ sơ đã giải quyết (đạt 99,99%), còn lại 419 hồ sơ trong hạn đang giải quyết; trễ hạn 01 hồ sơ (chiếm 0,01%), 01 hồ sơ trễ hạn thuộc lĩnh vực Hộ tịch tại UBND xã Tân Hưng, nguyên nhân là do xã mới được triển khai phần mềm dẫn đến hồ sơ trễ hạn trên phần mềm, nhưng thực tế hồ sơ này giải quyết đúng thời gian quy định.

+ Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/02/2019: Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 9.495 hồ sơ; đã giải quyết đúng hạn và trước hạn 9.259/9.260 hồ sơ đã giải quyết (đạt 99,99%), còn lại 235 hồ sơ trong hạn đang giải quyết; trễ hạn 01 hồ sơ (chiếm 0,01%), 01 hồ sơ bị trễ hạn thuộc lĩnh vực liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi tại UBND xã Song Phụng, nguyên nhân là do phần mềm BHYT bị lỗi dẫn đến hồ sơ trễ hạn và UBND xã đã ban hành văn bản xin lỗi.

- Về công khai TTHC: Toàn huyện có 24/24 đơn vị gồm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai TTHC theo quy định, đạt tỷ lệ 100%. Việc niêm yết công khai được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau như: Niêm yết bản giấy trên bảng niêm yết các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của huyện, xã và tại các cơ quan, đơn vị giải quyết TTHC; công khai TTHC trên trang thông tin điện tử huyện và trên trang mạng Internet tại địa chỉ <http://dichvucong.soctrang.gov.vn> và địa chỉ <http://motcua.longphu.soctrang.gov.vn>.

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận một cửa) thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện Long Phú và Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc sửa đổi phụ lục một số biểu mẫu ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Long Phú. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai phần mềm một cửa điện tử đến các xã,

thị trấn. Đến nay, các xã, thị trấn cơ bản đã ứng dụng được phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết TTHC tại đơn vị.

Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích: Trong quý I năm 2019, tổng số hồ sơ đăng ký nhận trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 271 hồ sơ, trong đó từ ngày 16/11/2018 đến ngày 31/12/2018 có 249 hồ sơ; từ ngày 01/01/2019 đến ngày 12/02/2019 có 22 hồ sơ.

- Về ban hành Quy chế phối hợp: Tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh trên địa bàn huyện theo Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/7/2018. Trong quý I năm 2019, đã tiếp nhận và trả kết quả 170 hồ sơ, việc thực hiện Quy chế phối hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân liên hệ giải quyết TTHC, vừa giảm số lần đi lại (từ 04 lần xuống còn 01 lần), vừa rút ngắn thời gian giải quyết (từ 06 ngày xuống còn 04 ngày).

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, với tổng số 13 cơ quan. Hiện nay, UBND huyện đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 13/13 cơ quan.

Tính đến thời điểm báo cáo, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện có mặt 81/88 cán bộ, công chức được giao và tổng số cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt 233 người (trong đó 111 cán bộ và 122 công chức).

2.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

UBND huyện quan tâm triển khai nghiêm túc, thực hiện đúng quy định trong công tác quản lý, sử dụng biên chế công chức trong cơ quan hành chính và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.5. Cải cách tài chính công

Toàn huyện có 13/13 cơ quan hành chính cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan hành chính nhà nước và 11/11 xã, thị trấn thực hiện theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công

lập gồm có 50 đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Đài Truyền thanh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, Trung tâm Văn hóa Thông tin, Trung tâm Thể dục Thể thao và 45/45 trường học trên địa bàn huyện, 50/50 đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng mức chi tăng thu nhập dựa trên mức chi tăng thu nhập bình quân. Riêng đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong sự nghiệp lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác.

Các đơn vị đều thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên; riêng sự nghiệp giáo dục và đào tạo đầu năm có đưa số tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng thu nhập cho công chức, viên chức trong đơn vị, nhưng do kinh phí hoạt động quá ít nên hầu hết các đơn vị trường học đều không tiết kiệm được để tăng thu nhập.

Toàn huyện có 34 đơn vị ngành và 45 trường học thực hiện ứng dụng các phần mềm quản lý tài sản, đạt tỷ lệ 100% và 11/11 đơn vị kế toán ngân sách xã đã thực hiện được phần mềm kế toán ngân sách xã, đạt tỷ lệ 100%.

2.6. Hiện đại hóa nền hành chính

2.6.1. Tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị luôn được UBND huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 về việc bổ sung thành viên Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử huyện Long Phú và ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 18/02/2019 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

Hạ tầng CNTT của huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Hiện nay, các phòng, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn đã trang bị cơ bản đảm bảo 01 máy vi tính/01 cán bộ, công chức, 100% máy vi tính được kết nối Internet và mạng LAN. UBND huyện đã triển khai phần mềm quản lý văn bản đến 32 cơ quan, đơn vị gồm các cơ quan thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn, việc gửi và nhận văn bản điện tử được thực hiện từ tỉnh, huyện đến các xã, thị trấn. Đối với văn bản đến có 5.871/8.765 văn bản, chiếm tỷ lệ 66,98%; đối với văn bản đi có 1.002/3.721 văn bản chiếm tỷ lệ 26,93%.

Hiện nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức ngành huyện và UBND các xã, thị trấn được cung cấp và sử dụng hộp thư điện tử với tên miền soctrang.gov.vn, trên 80% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng để trao đổi công việc. Bên cạnh đó, UBND huyện cũng đã ban hành Công văn số 26/UBND-VP ngày 21/01/2019 về việc triển khai ứng dụng chữ ký số, qua kết quả ban đầu đã có 09 cơ quan và 05 xã, thị trấn đã triển khai thực hiện.

2.6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động

Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-SKHHCN ngày 11/6/2018 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng về chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng

theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đang áp dụng tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 về ban hành áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và đã chỉ đạo các phòng, ban ngành trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện việc chuyển đổi theo đúng quy định.

Để đảm bảo việc áp dụng, duy trì, cải tiến có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, đến cuối năm 2018 tiến hành các quy trình đánh giá nội bộ, tiến hành khắc phục các điểm lưu ý trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng, họp xem xét của lãnh đạo và ban hành quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, huyện Long Phú với tổng số 46 lĩnh vực và 261 thủ tục hành chính.

Đầu năm 2019, UBND huyện đã ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2019.

(Kèm theo các biểu mẫu 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14).

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa huyện đã được bổ nhiệm ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên; có thâm niên công tác tối thiểu 03 năm trong ngành, lĩnh vực được phân công và đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, qua rà soát hiện trạng công chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, một số cơ quan không có công chức đáp ứng đủ các tiêu chuẩn nêu trên, nên gặp khó khăn trong việc bố trí công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

- Hiện nay, mỗi chức danh công chức cấp xã chỉ có 01 người phụ trách, trường hợp công chức nghỉ hưu hoặc thôi việc thì phải có thời gian để tổ chức tuyển dụng công chức khác thay thế, nên rất khó trong việc bố trí dự phòng công chức có chuyên môn phù hợp để thay thế trong quá trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính.

- UBND huyện đã ban hành thông báo công bố danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, tuy nhiên đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện được, do tỉnh chưa xây dựng các biểu mẫu của bộ TTHC để cho các tổ chức, cá nhân nhập các thông tin đăng ký thực hiện TTHC trực tuyến trên môi trường mạng.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

UBND huyện Long Phú kiến nghị Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, hướng dẫn một số nội dung sau:

- Hướng dẫn về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa, UBND huyện có thể bố trí công chức hiện đang giữ ngạch chuyên viên và được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ (không đáp ứng được tiêu chuẩn có thâm niên công tác tối thiểu 03 năm trong ngành, lĩnh vực được phân công) làm việc tại Bộ phận một cửa của huyện được hay không.

- Hướng dẫn phương án bố trí dự phòng công chức làm việc tại bộ phận một cửa của các xã, thị trấn khi công chức chuyên môn nghỉ hưu hoặc xin thôi việc.

- Sớm xây dựng các biểu mẫu của bộ TTHC để cho các tổ chức, cá nhân nhập các thông tin đăng ký thực hiện TTHC trực tuyến trên môi trường mạng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục quan tâm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/6/2014 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC; Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện các Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về công tác CCHC, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong huyện đối với việc đẩy mạnh thực hiện CCHC.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến trong nội bộ và quần chúng nhân dân về công tác CCHC.

- Thực hiện kiểm tra công tác CCHC và kiểm tra công vụ tại các cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản QPPL trên địa bàn huyện.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục thực hiện nghiêm yết công khai TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC và thực hiện Đề án liên thông các TTHC: “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí”.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sóc Trăng quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khóm; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hộp thư điện tử do UBND tỉnh cung cấp, tiếp tục triển khai thực hiện ứng dụng chữ ký số.

- Tiếp tục duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Thực hiện chấm điểm, công bố chỉ số CCHC cấp xã năm 2018.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC quý I năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú./.

Khydat

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn;
- Đài Truyền thanh;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VP. HĐND và UBND huyện.
(VT – LT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Vương Tấn Vũ



Biểu mẫu 3B

Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại huyện Long Phú

Kiểm theo Báo cáo số 45 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2019 của UBND huyện. - Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 18/01/2019 của UBND huyện
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC[1]	Có	
2.1	Cấp tỉnh	33	Lĩnh vực Đất đai
2.2	Cấp huyện	262	
2.3	Cấp xã	111	
2.3.1	Thị trấn Long Phú	111	
2.3.2	Thị trấn Đại Ngãi	111	
2.3.3	Xã Long Phú	111	
2.3.4	Xã Tân Hưng	111	
2.3.5	Xã Tân Thạnh	111	
2.3.6	Xã Châu Khánh	111	
2.3.7	Xã Phú Hữu	111	
2.3.8	Xã Trường Khánh	111	
2.3.9	Xã Hậu Thạnh	111	
2.3.10	Xã Song Phụng	111	
2.3.11	Xã Long Đức	111	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử[2]		
3.1	Cấp huyện	262	
3.2	Cấp xã	111	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

Chị Anh



Biểu mẫu 4B

Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của huyện Long Phú

(Kèm theo) Báo cáo số 45 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh	33	-	-	-	0	33	0	33	
1	Lĩnh vực Đất đai	33	-	-	-	0	33	0	33	Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 22/12/2016; QĐ số 845/QĐ-UBND ngày 09/4/2018
II	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	262	0	0	0	238	24	24	0	
1	An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 14/01/2016
2	Bảo trợ xã hội	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
3	Bồi thường nhà nước	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 04/10/2018
4	Chứng thực	12	-	-	-	12	0	0	0	Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 và Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 03/8/2018



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
5	Đăng ký giao dịch bảo đảm	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 1526/QĐHC-CTUBND ngày 31/12/2014
6	Đăng ký đất đai	11	-	-	-	11	0	0	0	Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 28/10/2015
7	Đất đai	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 09/4/2018
8	Đường bộ	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 14/8/2015
9	Đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 25/4/2015
10	Gia đình	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 06/8/2018
11	Giá	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
12	Giáo dục và Đào tạo	36	-	-	-	36	0	0	0	Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 18/7/2018
13	Giải quyết khiếu nại	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
14	Giải quyết tố cáo	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
15	Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 790/QĐHC-CTUBND ngày 30/7/2014
16	Hộ tịch	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 12/6/2017

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
17	Kế toán, kiểm toán	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
18	Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
19	Lưu thông hàng hóa trong nước	12	-	-	-	12	0	0	0	Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 12/2/2018
20	Môi trường	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 07/4/2016
21	Người có công	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009; Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 16/4/2018
22	Phòng chống tham nhũng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
23	Quản lý tài sản nhà nước	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
24	Quy hoạch xây dựng	12	-	-	-	12	0	0	0	Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 23/9/2016; Quyết định số 797/QĐHC-CTUBND ngày 14/8/2012; Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
25	Thành lập và hoạt động hợp tác xã	19	-	-	-	0	19	19	0	Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 6/7/2018
26	Thành lập và hoạt động Hộ kinh doanh	5	-	-	-	0	5	5	0	Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 6/7/2018



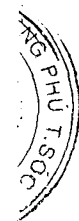
STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
27	Thi đua khen thưởng	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 11/10/2018
28	Thư viện	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 06/8/2018
29	Tiếp công dân	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
30	Tôn giáo	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
31	Tổ chức phi chính phủ	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 23/11/2015
32	Tổ chức - Biên chế	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 07/12/2015
33	Văn hoá quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 29/01/2015
34	Viễn thông và internet	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
35	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 16/6/2018
36	Xây dựng	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 790/QĐHC-CTUBND ngày 30/7/2014
37	Xuất bản, in và phát hành	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 16/6/2018
38	Xử lý đơn thư	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
39	Phòng, chống tệ nạn xã hội	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
40	Phổ biến giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 21/3/2018
41	Quản lý công sản	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 14/6/2018
42	Lĩnh vực đấu thầu	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 6/7/2018
43	Quản lý hoạt động xây dựng	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 22/8/2018
44	Quy hoạch Kiến trúc	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 22/8/2018
45	Kinh doanh khí (Khí dầu mỏ hoá lỏng LPG)	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 24/8/2018
46	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
III	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]	111	-	-	-	109	2	2	0	
1	Hộ tịch	19	-	-	-	17	2	2	0	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017; Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 15/8/2017
2	Nuôi con nuôi	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
3	Chứng thực	11	-	-	-	11	0	0	0	Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 03/8/2018
4	Giải quyết khiếu nại	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
5	Giải quyết tố cáo	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
6	Tiếp công dân	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
7	Xử lý đơn thư	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
8	Phòng chống tham nhũng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
9	Bồi thường nhà nước	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 04/10/2018
10	Giáo dục và đào tạo	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 16/7/2018
11	Văn hoá cơ sở	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016
12	Thư viện	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016
13	Thể dục thể thao	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
14	Môi trường	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009; Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 07/4/2016; Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 12/3/2018;
15	Thi đua khen thưởng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 11/10/2018
16	Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 04/12/2015
17	Tôn giáo	10	-	-	-	10	0	0	0	Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
18	Đăng ký đất đai	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 09/4/2018
19	Đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/4/2015
20	Phòng chống tệ nạn xã hội	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
21	Người có công	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 15/9/2009; Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
22	Bảo trợ xã hội	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018; Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 05/4/2018
23	Dân tộc	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 15/9/2009



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
24	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
25	Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
26	Hành chính tư pháp	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
27	Trồng trọt	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 6/02/2018
28	Bảo vệ thực vật	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 6/02/2018
29	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 6/02/2018
30	Phổ biến giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 21/3/2018
Tổng số = (I) + (II) + (III)		406	-	-	-	347	59	26	33	

Khai



Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp huyện Long Phú

(Từ ngày 16/11/2018 đến ngày 31/12/2018)

Kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh	770	420	350	394	394		376	376		Lĩnh vực đất đai
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	310	11	299	290	290		20	20		
III	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]	7.936	76	7.860	7.913	7.912	1	23	23		
1	Thị trấn Long Phú	1.665	2	1.663	1.665	1.665					
2	Thị trấn Đại Ngãi	1.588	28	1.560	1.588	1.588					
3	Xã Long Phú	1.260		1.260	1.260	1.260					
4	Xã Tân Hưng	135		135	134	133	1	1	1		
5	Xã Tân Thạnh	886		886	886	886					
6	Xã Châu Khánh	122		122	122	122					
7	Xã Phú Hữu	279		279	279	279					
8	Xã Trường Khánh	687		687	668	668		19	19		
9	Xã Hậu Thạnh	134	4	130	134	134					
10	Xã Song Phụng	199		199	199	199					
11	Xã Long Đức	981	42	939	978	978		3	3		
Tổng số = (I) + (II) + (III)		9.016	507	8.509	8.597	8.596	1	419	419		

Hồ sơ trễ hạn: UBND xã Tân Hưng trễ hạn 01 hồ sơ lĩnh vực Hộ tịch. Nguyên nhân, do công chức còn lúng túng trong xử lý hồ sơ trên phần mềm một cửa dẫn đến trễ hạn trên phần mềm, nhưng thực tế hồ sơ này không trễ hạn.

Chyda



Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp huyện Long Phú

(Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/02/2019)

(Kèm theo Báo cáo số 45 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh	758	376	382	576	576		182	182		Lĩnh vực đất đai
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	272	20	252	259	259		13	13		
III	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]	8.465	23	8.442	8.425	8.424	1	40	40		
1	Thị trấn Long Phú	2.270		2.270	2.270	2.270					
2	Thị trấn Đại Ngãi	678		678	678	678					
3	Xã Long Phú	1.274		1.274	1.274	1.274					
4	Xã Tân Hưng	307	1	306	306	306		1	1		
5	Xã Tân Thạnh	1.740		1.740	1.738	1.738		2	2		
6	Xã Châu Khánh	353		353	353	353					
7	Xã Phú Hữu	224		224	224	224					
8	Xã Trường Khánh	508	19	489	474	474		34	34		
9	Xã Hậu Thạnh	266		266	266	266					
10	Xã Song Phụng	413		413	413	412	1				
11	Xã Long Đức	432	3	429	429	429		3	3		
Tổng số = (I) + (II) + (III)		9.495	419	9.076	9.260	9.259	1	235	235		

Hồ sơ trễ hạn: UBND xã Song Phụng trễ hạn 01 hồ sơ đối với thủ tục liên thông TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi.
Nguyên nhân trễ hạn, do nhập vào phần mềm BHYT bị lỗi. UBND xã Song Phụng đã có văn bản xin lỗi.

Thy An



Biểu mẫu 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại huyện Long Phú

(Kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[5]					
I	UBND cấp huyện	13	Không					29	Không			81	-1			
1	Lãnh đạo UBND huyện			3	Không							3				
2	Văn phòng HĐND và UBND huyện							3				17	-1			Gồm: Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Văn phòng HĐND và UBND huyện
3	Phòng Nội vụ							2				6				
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội							2				4				
5	Phòng Y tế							1				2				
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường							3				5				
7	Thanh tra huyện							2				4				
8	Phòng Tư pháp							2				4				
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng							2				6				

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện			Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã			Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú		
		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước		Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[5]					
10	Phòng Văn hóa và Thông tin							3				5				
11	Phòng Dân tộc							1				2				
12	Phòng Giáo dục và Đào tạo							3				8				
13	Phòng Nông nghiệp và PTNT							2				6				
14	Phòng Tài chính - Kế hoạch							3				9				
II	UBND cấp xã	11	Không					24	-1			233	-1			
1	Thị trấn Long Phú							2	-1			22	-1		01 CA CQ	
2	Thị trấn Đại Ngãi							2				21			01 CA CQ	
3	Xã Long Phú							3				22				
4	Xã Tân Hưng							2				21				
5	Xã Tân Thạnh							2				20			01 CA CQ	
6	Xã Châu Khánh							2				21				
7	Xã Trờng Khánh							3				23			01 CA CQ	
8	Xã Long Đức							3				22				
9	Xã Song Phụng							2				21				
10	Xã Hậu Thạnh							2				21				
11	Xã Phú Hữu							1				19				
Tổng số = (I) + (II)		24	Không	3	Không			53	-1			314	-2			

Khách



Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCVV tại huyện Long Phú

Kèm theo Báo cáo số 45 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVV hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng[1] CBCCVV được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVV		Điều động, chuyển công tác CB, CC, VC[2]	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo[3]	Bồi dưỡng nghiệp vụ[4]	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng[5]	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên[6]		TX[7]	TH[8]
I	UBND huyện	81	Không				Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/02/2019 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2019	Chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác								2	
II	UBND cấp xã	233	Không				Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/02/2019 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2019	Chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác								4	

Khuyến

Biểu mẫu 9B**Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại huyện Long Phú**

(Kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)



STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	24	Không	24/24 cơ quan, đơn vị (trong đó 13 cơ quan chuyên môn và 11 xã, thị trấn)
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	51	Không	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	1		
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	50		

Chị



Biểu mẫu 10B

Thông kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại huyện Long Phú

(Từ ngày 16/11/2018 đến ngày 18/02/2019)

(Kèm theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC		Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	
I	Cơ quan cấp tỉnh											
II	UBND cấp huyện	1.913	1.766	689	726	41	219	2	6	2		
III	UBND cấp xã	1.808	1.543	313	361	2						
1	Thị trấn Long Phú	314	192	122		2						
2	Thị trấn Đại Ngãi	60	60		60	2						
3	Xã Long Phú	44	38	6	44	2						
4	Xã Tân Hưng	98	98		98	2						
5	Xã Tân Thạnh	92	92			2						
6	Xã Châu Khánh	76	76	21	69	2						
7	Xã Phú Hữu	75	75			2						
8	Xã Trường Khánh	53	53			2						
9	Xã Hậu Thạnh	60	60	17	60	2						
10	Xã Song Phụng	713	693	30	30	2						
11	Xã Long Đức	223	106	117		2						
Tổng		3.721	3.309	1.002	1.087	43	219	2	6	2		

Thy



Biểu mẫu 11B

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại huyện Long Phú

(Từ ngày 16/11/2018 đến 31/12/2018)

Kèm theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Cơ quan cấp tỉnh (lĩnh vực đất đai cấp tỉnh)</i>	22	0	240	
<i>II</i>	<i>UBND cấp huyện</i>	44	0	9	Theo Công văn số 575/UBND-VP ngày 12/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện
<i>III</i>	<i>UBND cấp xã [I]</i>	19	0	0	
<i>1</i>	Thị trấn Đại Ngãi	19	0	0	
<i>2</i>	Thị trấn Long Phú	19	0	0	
<i>3</i>	Xã Long Phú	19	0	0	
<i>4</i>	Xã Tân Hưng	19	0	0	
<i>5</i>	Xã Tân Thạnh	19	0	0	
<i>6</i>	Xã Trường Khánh	19	0	0	
<i>7</i>	Xã Châu Khánh	19	0	0	
<i>8</i>	Xã Phú Hữu	19	0	0	
<i>9</i>	Xã Hậu Thạnh	19	0	0	
<i>10</i>	Xã Song Phụng	19	0	0	
<i>11</i>	Xã Long Đức	19	0	0	
Tổng (I) + (II) + (III)		85	0	249	

Phy duc



Biểu mẫu 11B

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ
bưu chính công ích (BCCI) tại huyện Long Phú

(Từ ngày 01/01/2019 đến 18/02/2019)

Real theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Cơ quan cấp tỉnh</i>	22	0	14	
<i>II</i>	<i>UBND cấp huyện</i>	44	0	8	
<i>III</i>	<i>UBND cấp xã[1]</i>	19	0	0	
<i>1</i>	Thị trấn Đại Ngãi	19	0	0	
<i>2</i>	Thị trấn Long Phú	19	0	0	
<i>3</i>	Xã Long Phú	19	0	0	
<i>4</i>	Xã Tân Hưng	19	0	0	
<i>5</i>	Xã Tân Thạnh	19	0	0	
<i>6</i>	Xã Trường Khánh	19	0	0	
<i>7</i>	Xã Châu Khánh	19	0	0	
<i>8</i>	Xã Phú Hữu	19	0	0	
<i>9</i>	Xã Hậu Thạnh	19	0	0	
<i>10</i>	Xã Song Phụng	19	0	0	
<i>11</i>	Xã Long Đức	19	0	0	
Tổng (I) + (II) + (III)		85	0	22	

Theo Công văn số
575/UBND-VP ngày
12/10/2018 của Chủ tịch
UBND huyện

Chy ob



Biểu mẫu 13B

Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại UBND huyện

Kèm theo Báo cáo số 45 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	11/11	Đã thực hiện chuyển đổi Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	11/11	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	12/12	UBND huyện và 11/11 xã, thị trấn đều thực hiện Công bố theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	12/12	UBND huyện và 11/11 xã, thị trấn đều thực hiện đánh giá nội bộ
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	12/12	UBND huyện và 11/11 xã, thị trấn đều thực hiện đánh giá nội bộ và thực hiện đầy đủ các quy trình

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng		
5	Nội dung khác		

Chy da



Biểu mẫu 14

Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

(Kèm theo Báo cáo số 45 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019

của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	Ghi chú[1]
		Tiếp nhận					
		Tổng số	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết[2]			
I	Cấp huyện	01	01		01	Vụ việc khiếu nại, tranh chấp đất đai do điều kiện lịch sử về nguồn gốc đất đai phức tạp, cũng như quá trình quản lý đất đai qua các thời kỳ, nên giải quyết trễ hạn.	
II	Cấp xã	Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo					

Chuyến